

Bản án số: 184/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 04 tháng 9 năm 2020  
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hồng

2. Ông Trương Phước Công

- *Thư ký phiên tòa:* bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:*  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 485/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 393/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông **Đỗ Thành N**, sinh năm 1990.(có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: ấp Long B, xã Long K, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Bị đơn: Bà **Lê Thị Mỹ L**, sinh năm 1991.(vắng mặt)

Cư trú: ấp Long B, xã Long K, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn ông N và bà L chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn, hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Nay tình cảm không còn tôi xin ly hôn với bà Lê Thị Mỹ L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Thiện T, sinh ngày 24/01/2012. Hiện nay con chung đang sống với ông N, ông N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

\* Bị đơn: bà Lê Thị Mỹ L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà L về yêu cầu khởi kiện của ông N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn ông Đỗ Thành N có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Mỹ L đã được tổng đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay bà L vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà L là đúng theo quy định của pháp luật.

Ông N xin ly hôn với bà L. Ông L có nơi cư trú tại ấp Long B, xã Long K, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Ông Đỗ Thành N xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện tại tình cảm hôn nhân giữa ông N và bà L không thể tồn tại. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà L không thể hàn gắn được, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Thành N xin ly hôn với bà Lê Thị Mỹ L là phù hợp được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung*: ông N và bà L có 01 con chung tên Đỗ Thiện T, sinh ngày 24/01/2012. Hiện tại con chung đang sống với ông N. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ghi nhận ý kiến của cháu T; cháu có nguyện vọng được ăn ở, sinh hoạt, học tập với ông N. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ông N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do ông N không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Bà L không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng bà có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Ông N trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung*: Ông N trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình

chứng cứ chứng minh nợ chung của ông N và bà L trong thời kỳ hôn nhân thì ông N và bà L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Áp dụng:**

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213 273 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thành N.
2. *Về quan hệ hôn nhân*: ông Đỗ Thành N được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ L.
3. *Về quan hệ con chung*: Ông N được tiếp tục nuôi con chung tên Đỗ Thiện Thiên, sinh ngày 24/01/2012. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.  
Bà L không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng bà có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà L thực hiện quyền này.  
Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.
4. *Về quan hệ tài sản chung*: Ông N trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. *Về quan hệ nợ chung*: Ông N trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông N và bà L trong thời kỳ hôn nhân thì ông N và bà L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.
6. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông N phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000<sup>d</sup> (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000<sup>d</sup> (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008565 ngày 11.6.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Ông N đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông N và bà L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Trần Quang Thanh**